CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.1.(3)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**

Địa chỉ lấy mẫu : **TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : Nước thải

Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh

Ngày lấy mẫu : 30/09/2025

Mã số mẫu : 25.0370.NT12

Thông tin lấy mẫu : Nước thải sinh hoạt tại Trung tâm phân phối khí Cà Mau (Tại vị trí thu gom trước khi đổ vào hệ thống của Nhà máy Đạm)

Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ[(a)(*)]	°C	28,5	**4 ÷ 55**	-	SMEWW 2550B:2017
2	pH[(a)(*)]	-	6,72	**2 ÷ 12**	**5 ÷ 9**	TCVN 6492:2011
3	COD[(a)]	mg/L	6,02	**3,0**	-	SMEWW 5220C:2017
4	BOD_5[(a)]	mg/L	2,34	**1,0**	**60**	SMEWW 5210B:2017
5	TSS[(a)]	mg/L	KPH	**4,0**	**120**	TCVN 6625:2000
6	Sắt[(a)]	mg/L	0,060	**0,05**	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
7	Tổng Nito[(a)]	mg/L	KPH	**2,0**	-	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho[(a)]	mg/L	KPH	**0,03**	-	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	*Coliform*[(a)]	MPN /100mL	4.100	**2**	**5.000**	SMEWW 9221B:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn
VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.1.(3)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận
(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường
KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0316727024 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
QUẬN 12 - TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn

VACI
VALAS 113

Số: 0370.NT.2.(3)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ : **TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT12
Thông tin lấy mẫu : Nước thải sinh hoạt tại Trung tâm phân phối khí Cà Mau (Tại vị trí thu gom trước khi đổ vào hệ thống của Nhà máy Đạm)
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành :01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	DO[(b)]	mg/L	3,6	**0 ÷ 16**	-	TCNV 7325:2016

Ghi chú: *Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả*
[(b)]: Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0316727024 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT - QUẬN 12 - TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 330

VLAT 1.1712
ISO/IEC 17025:2017

Code/ Mã số : SKS20251469-02
SKS20251469-03

Date/ Ngày : 13/10/2025

Test Report / *Báo cáo Kết quả Phân tích*

Client's name/ *Tên khách hàng* : **CÔNG TY CỔ PHẦN AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT**

Address/ *Địa chỉ* : Số 128 Nguyễn Thị Xinh, Phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sample information/ *Thông tin mẫu* : SKS20251469-02: Nước thải - Nước thải sinh hoạt tại Trạm Tiếp Bờ LFS (1 điểm xả thải ra kênh T21 – Cống thoát nước) - 25.0370.NT11 - TRẠM TIẾP BỜ (LFS)

SKS20251469-03: Nước thải - Nước thải sinh hoạt tại Trung tâm phân phối khí Cà Mau (Tại vị trí thu gom trước khi đổ vào hệ thống của Nhà máy Đạm) - 25.0370.NT12 - TRUNG TÂM PHÂN PHỐI KHÍ CÀ MAU (GDC)

Sample desciption/ *Mô tả mẫu* : Mẫu đựng trong chai nhựa

Sample matrix/ *Nền mẫu* : Nước thải

Source of sample/ *Nguồn mẫu* : Mẫu nhận từ khách hàng

Sample received on/ *Ngày nhận mẫu* : 02/10/2025

Sample tested on/ *Ngày phân tích* : 02/10/2025

Testing Results / *Kết quả phân tích*

No. / *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*		LOD, RANGE/ *Giới hạn phát hiện, Khoảng đo*	Test Method/ *Phương pháp phân tích*
			SKS2025 1469-02	SKS2025 1469-03		
1.	Cadimi (Cd) (*)	mg/L	ND	ND	0,0002	SMEWW 3113B:2023
2.	Tổng Crom (Cr) (*)	mg/L	0,006	0,003	0,0004	SMEWW 3113B:2023
3.	Mangan (Mn) (*)	mg/L	ND	ND	0,03	SMEWW 3111B:2023
4.	Niken (Ni) (*)	mg/L	ND	ND	0,001	SMEWW 3113B:2023
5.	Chì (Pb) (*)	mg/L	ND	ND	0,0015	SMEWW 3113B:2023
6.	Kẽm (Zn) (*)	mg/L	0,042	ND	0,03	SMEWW 3111B:2023
7.	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/L	0,0028	0,0022	0,0003	SMEWW 3112B:2023

NOTE/ GHI CHÚ:

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
2. (*): Parameter are accredited Ministry of Natural Resources and Environment/ *Thông số được chứng nhận của Bộ TNMT (VIMCERTS 330)*
3. ND: Not detected/ *Không phát hiện*

Laboratory/ *Phòng thử nghiệm*

NGUYỄN THỊ HỒNG TUYỀN

Director/ *Giám đốc*

M.S.D.N: 0310002078 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẮC KÝ SÀI GÒN - QUẬN 12 - TP. HỒ CHÍ MINH

PHAN BẢO QUỲNH

The information in this report reflects the conditions at the time of testing and the Client's guidelines. The company's sole responsibility is to the Client, We accept no liability or duty of care to any third parties in relation to this report. This report cannot be reproduced (unless in full) without the written consent of Sac Ky Sai Gon. Any unauthorized alteration, falsification, or misrepresentation of the content or appearance of this document is unlawful./ *Những thông tin trong bản kết quả này chỉ phản ánh tại thời điểm thử nghiệm và trong phạm vi hướng dẫn của khách hàng. Trách nhiệm duy nhất của công ty là đối với khách hàng, chúng tôi không chịu bất kì trách nhiệm và nghĩa vụ chăm sóc nào đối với bên thứ ba liên quan đến báo cáo này. Không được sao chép một phần (trừ khi toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Sắc Ký Sài Gòn. Bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức của tài liệu này đều là trái pháp luật.*